TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 449/2025/HS-PT
Ngày: 29 - 9 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Đạt;

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Bà Nguyễn Thị Cúc.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Thân Văn Nhường - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn T - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số 498/2025/TLPT-HS ngày 18 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai).

Vụ án sẽ được xét xử theo hình thức trực tuyến tại 02 điểm cầu:

- Điểm cầu trung tâm: Phòng xét xử trực tuyến - Trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (những người tiến hành tố tụng sẽ tham dự ở điểm cầu trung tâm).

- Điểm cầu thành phần: Phòng xét xử trực tuyến - Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai - Cơ sở 2 (Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước cũ).

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Văn T1, sinh ngày 09 tháng 01 năm 1981 tại tỉnh Nam Định.

Nơi cư trú: Tổ A, Khu phố A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước (nay là phường C, tỉnh Đồng Nai); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (đã chết) và bà Trịnh Thị T2, sinh năm 1951; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh B từ ngày 06/3/2024 đến nay (bị cáo có mặt ở điểm cầu thành phần).

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo: Luật sư Võ Tuấn A - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt ở điểm cầu trung tâm).

(Ngoài ra trong vụ án còn có bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không liên quan đến việc kháng cáo, nên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/12/2021, Nguyễn Văn T1 có thỏa thuận bán thửa đất số 1158, tờ bản đồ số 06, địa chỉ: khu phố A, phường H, thị xã C, tỉnh Bình Phước cho bà Mai Thị N với giá là 760.000.000 đồng và đã nhận đặt cọc số tiền 125.000.000 đồng từ bà N. Các bên thỏa thuận 02 tháng sau sẽ tiến hành thủ tục công chứng. Đến thời hạn công chứng chuyển nhượng, do T1 đã bán thửa đất 1158 cho người khác nên T1 muốn tìm mua thửa đất khác liền kề để bán cho bà N. Thông qua người môi giới T1 biết được bà Trần Chi M muốn bán thửa đất 1160, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: khu phố A, phường H, thị xã C (nằm cạnh thửa đất số 1158) nên T1 đã đặt cọc để mua thửa đất trên với giá 870.000.000 đồng. Sau khi đã đặt cọc mua thửa đất 1160 thì T1 thỏa thuận với bà N là sẽ để bà N mua thửa đất 1160 thay cho thửa đất số 1158 thì bà N đồng ý. Đến ngày 04/6/2022, T1 thỏa thuận với bà M để bà M chuyển nhượng thửa đất 1160 cho bà N dưới hình thức ký hợp đồng ủy quyền nhưng do bà N nợ tiền bà Mai Thị Lan A1 nên để bà N để bà Lan A1 đứng tên trong hợp đồng ủy quyền để cấn trừ nợ. Sau khi nhận chuyển nhượng thửa đất 1160 thì bà Lan A1 quản lý, sử dụng, không rao bán hoặc nhờ ai khác bán thửa đất trên.

Đến khoảng tháng 10/2022, do làm ăn khó khăn và nợ tiền của nhiều người, T1 nảy sinh ý định dùng thông tin thửa đất số 1160 bán lại cho người khác để lấy tiền trả nợ. T1 có quen biết ông Đoàn Văn D nên T1 muốn giới thiệu để ông D mua thửa đất 1160. Ngày 10/10/2022, T1 dẫn ông D đi xem vị trí đất và nói rằng đây là đất của T1 thì ông D tin tưởng và đồng ý mua với giá 820.000.000 đồng. Ông D đặt cọc số tiền 300.000.000 đồng, T1 viết hợp đồng đặt cọc theo mẫu in sẵn với nội dung nhận cọc của ông D số tiền trên và thỏa thuận đến ngày 10/12/2022 sẽ tiến hành thủ tục công chứng. Sau đó, T1 nhiều lần yêu cầu ông D chuyển thêm tiền cọc cho T1 thì ông D đã dùng số tài khoản 050132336188 (Ngân hàng S) của ông D chuyển khoản đến số tài khoản 106871620789 (Ngân hàng A2) của T1 số tiền 200.000.000 đồng và đưa tiền mặt cho T1 100.000.000 đồng. Tổng số tiền T1 nhận của ông D là 600.000.000 đồng, số tiền có được T1 dùng để trả nợ cho bà Hồ Thị H số tiền 100.000.000 đồng; ông Tống Văn Q số tiền 47.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Ả số tiền 100.000.000 đồng và đầu tư mua bán đất, tiêu xài hết.

Đến ngày 09/12/2022, do không có đất để bán cho ông D nên T1 tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là đang thế chấp thửa đất cho ngân hàng vay tiền, chưa rút sổ về được nên chưa thể tiến hành công chứng. T1 viết vào sau hợp đồng đặt cọc nội dung cam kết đến ngày 16/12/2022 sẽ rút sổ về làm thủ tục công chứng cho ông D. Đến 16/12/2022, ông D hối thúc T1 đi công chứng chuyển nhượng thì T1 tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là do trục trặc sổ sách nên xin ông D cho

gia hạn thời hạn công chứng đến ngày 26/12/2022, T1 cũng viết nội dung cam kết vào phía sau tờ hợp đồng đặt cọc và ký tên. Tuy nhiên, đến thời điểm thỏa thuận, T1 vẫn không thực hiện việc công chứng chuyển nhượng và trốn tránh, không trả lại tiền nên ông D khởi kiện T1 ra Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án dân sự, nhận thấy hành vi của T1 có dấu hiệu tội phạm nên Tòa án nhân dân thị xã Chơn Thành đã đã kiến nghị đến Cơ quan CSĐT Công an tỉnh B xác minh, làm rõ hành vi của T1 để xử lý theo quy định.

Tại bản kết luận giám định số 112/KL-KTHS ngày 01/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết mang họ tên Nguyễn Văn T1 dưới mục "BÊN A" ở mặt trước, nội dung chữ viết, chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Văn T1 ở mặt sau của Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Nhà) ngày 10/10/2022 là do bị can Nguyễn Văn T1 ký, viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước đã quyết định:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo 1 (Mười ba) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2024.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, các biện pháp tư pháp, án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/5/2025, bị cáo Nguyễn Văn T1 có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo trình bày kháng cáo yêu cầu xem xét giảm hình phạt cho bị cáo do hoàn cảnh gia đình khó khăn.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T1 thừa nhận hành vi phạm tội, tuy nhiên không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư Tuấn A trình bày: Xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, con nhỏ, đã thành khẩn khai báo, đã khắc phục được số tiền 40.000.000 đồng, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Bị cáo trình bày: Xin giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt để sớm trở về nuôi vợ con, trả nợ cho mọi người.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị cáo Nguyễn Văn T1 có kháng cáo hợp lệ, nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra; lời khai của người làm chứng; phù hợp với bản kết luận giám định; phù hợp với vật chứng của vụ án và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà. Mặc dù không phải là chủ sở hữu và không được sự đồng ý của chủ sở hữu của thửa đất số 1160, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: khu phố A, phường H, thị xã C nhưng do cần tiền trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Nguyễn Văn T1 nảy sinh ý định dùng thông tin thửa đất số 1160 để bán lại cho người khác lấy tiền. Ngày 10/10/2022, T1 đưa ra thông tin gian dối mình là chủ của thửa đất số 1160 để ông Đoàn Văn D tin tưởng đồng ý nhận chuyển nhượng thửa đất và nhiều lần giao tiền đặt cọc cho T1 tổng số tiền là 600.000.000 đồng. Đến thời điểm thỏa thuận, do không có đất để chuyển nhượng cho ông D nên T1 tiếp tục đưa ra thông tin gian dối là thửa đất đang thế chấp vay ngân hàng, chưa rút sổ ra được và có trục trặc sổ sách để trốn tránh nghĩa vụ và không trả lại tiền cho ông D. Số tiền có được T1 dùng để trả nợ, tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, T1 trốn tránh không gặp mặt ông D để chiếm đoạt số tiền trên.

Theo bản kết luận giám định số 112/KL-KTHS ngày 01/02/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký, chữ viết mang họ tên Nguyễn Văn T1 dưới mục "BÊN A" ở mặt trước, nội dung chữ viết, chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Văn T1 ở mặt sau của Hợp đồng đặt cọc tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Nhà) ngày 10/10/2022 là do bị caó Nguyễn Văn T1 ký, viết ra.

Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để xác định hành vi trên của bị cáo Nguyễn Văn T1 đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, xâm phạm trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải và có tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại; bị cáo là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[2.2]. Về hình phạt:

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xem xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo T1 có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình thêm được chứng cứ để xem xét. Tuy nhiên do bị cáo thành khẩn và ăn năn hối cải tại phiên tòa phúc thẩm và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật.

[3]. Quan điểm của Kiểm sát viên không được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Do được chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 và Điều 343 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn T1; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 27/2025/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai);

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Văn T1** phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về áp dụng pháp luật và hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 54; Điều 38; Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Xử phạt bị cáo **11 (mười một) năm tù**. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2024.

2. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm nêu trên không bị kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận**:*
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Công an tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án DS tỉnh Đồng Nai;
- Trại Tạm giam số 02 CA. tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo (Trại tạm giam tống đạt);
- Lưu: HS, VP (TVN).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Đạt